TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày 02-3-2020
"V/v ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nhữ Văn Vinh và bà Vũ Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mừng - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện bình Giang tham gia phiên toà:

Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Ch, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn O, xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Phạm Phú B, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn O, xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

Bà Phạm Thị C, sinh năm 1940.

Ông Vũ Gia N, sinh năm 1944.

Bà Vũ Thị Ch1, sinh năm 1950.

Chị Vũ Thị Đ, sinh năm 1971.

Chị Vũ Thị T, sinh năm 1969

Chị Đào Thị T1, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn O, xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Vũ Thị Ch trình bày:

Về lý lịch, chị Ch có giấy chứng minh nhân dân thể hiện năm sinh là 1975, nhưng thực chất chị sinh năm 1969. Năm 1988, chị với anh Phạm Phú B kết hôn và có đăng ký tại UBND xã C, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về sống cùng với gia đình bố, mẹ đẻ của anh B tại thôn O, xã C. Trong quá trình chung sống, được khoảng 10 năm thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B rượu chè, nhiều lần đánh đập chị, nhưng vì con cái còn nhỏ nên chị nhẫn nhịn. Tuy vậy, đến những năm gần đây mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, do anh B vẫn rượu chè và còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, về ruồng rẫy chị. Do anh B đuổi nên từ tháng 4/2018, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn O sống cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh B.

Về con chung, chị và anh B có 2 con chung là Phạm Phú Thứ, sinh năm 1991 và Phạm Phú Năm sinh năm 1992, đều đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu giải quyết.

Anh Phạm Phú B là bị đơn, được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có bản tự khai, lời khai trình bày với Tòa án.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ về năm sinh của chị Ch:

Chị Ch khai: Chị sinh năm 1969, tuy nhiên năm 2004, do nhu cầu đi lao động tại Đài Loan, chị đã làm chứng minh nhân dân với năm sinh 1975 để đảm bảo độ tuổi được chấp nhận lao động ở nước ngoài. Do đó, chứng minh nhân dân của chị vẫn thể hiện chị sinh năm 1975.

Lời khai của những người làm chứng là ông Vũ Gia N, là bố đẻ chị Ch; chị Vũ Thị Đ, chị Vũ Thị T, chị Đào Thị T1 là những bạn học cùng lớp của chị Ch từ lớp 1 đến lớp 6; bà Vũ Thị Ch1 là giáo viên dạy lớp 6 của chị Ch đều cùng khẳng định chị Ch sinh năm 1969 là phù hợp với thực tế.

Tòa án thu thập tại Công an xã C 01 quyển sổ quản lý đăng ký nhân khẩu vào năm 2014, thì thể hiện chị Ch sinh năm 1969.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã C: Tại UBND xã không còn lưu trữ hồ sơ, tài liệu về khai sinh của chị Ch, không còn lưu trữ hồ sơ, sổ sách đăng ký kết hôn của chị Ch với anh B. Tuy nhiên, qua công tác quản lý tại địa phương, thì khẳng định chị sinh năm 1969 là phù hợp với thực tế, phù hợp với việc chị có người em sinh năm 1972. Còn việc giấy chứng minh nhân dân của chị thể hiện chị

sinh năm 1975, theo UBND xã C là không đúng sự thật vì UBND xã có nắm bắt được việc ông trưởng công an xã C nhiệm kỳ trước có cho biết đã giúp chị Ch làm chứng minh thư giảm độ tuổi như vậy để chị đủ điều kiện đi lao động tại Đài Loan vào năm 2003 (việc đi Đài Loan nhằm cải thiện điều kiện kinh tế khó khăn của gia đình chị lúc đó). Tuy nhiên, hiện nay ông trưởng công an đó đã chết.

Tòa án xác minh tại ông Đào Huy Xiển, trưởng thôn O: ông Xiển có quan điểm: Do là người sống, làm việc tại địa phương nhiều năm, có quan hệ thân thiết với gia đình chị Ch, nên ông khẳng định chị Ch sinh năm 1969 là đúng sự thật.

Chị Ch đã nộp cho Tòa án giấy khai sinh của em trai là Vũ Gia Cẩn, sinh năm 1972, em gái Vũ Thị Liền, sinh năm 1975.

Tòa án xác minh tại phòng Tư pháp huyện Bình Giang: Phòng Tư pháp huyện không lưu trữ tài liệu hộ tịch của xã C từ năm 1988 trở về trước.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ về việc đăng ký kết hôn, mâu thuẫn gia đình của chị Ch và anh B:

Ông Vũ Gia N là bố đẻ chị Ch khai chị Ch và anh B kết hôn với nhau vào năm 1988, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C và được tổ chức cưới theo phong tục, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác khiến vợ chồng đã sống ly thân nhau. Theo quan điểm của ông thì nên giải quyết cho chị Ch và anh B ly hôn vì cuộc sống chung không có hạnh phúc.

Bà Phạm Thị C là mẹ đẻ của anh Phạm Phú B khai: Chị Ch và anh B kết hôn với nhau vào năm 1988, bà không biết việc anh chị có kết hôn không nhưng khẳng định suốt quá trình chung sống, thì UBND xã C biết rõ nhưng không có bất cứ ý kiến gì, không xử phạt vi phạm hành chính. Quá trình chung sống, anh chị mâu thuẫn nhưng bà không biết rõ lý do và đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa.

Trưởng thôn O có quan điểm: cuộc sống của chị Ch, anh B xảy ra nhiều mâu thuẫn, qua dư luận địa phương thì nguyên nhân do anh B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác.

UBND xã C có quan điểm: Mặc dù không còn sổ lưu trữ việc kết hôn của chị Ch và anh B, song qua thực tế địa phương, khẳng định việc chị Ch, anh B kết hôn vào năm 1988, có đăng ký kết hôn là đúng sự thật. Điều này phù hợp với thực tế lời khai của bố mẹ chị Ch, anh B phù hợp với thực tế trong quá trình quản lý, UBND xã đều biết anh chị chung sống công khai và không có bất cứ hình thức xử lý nào đối với anh chị về lĩnh vực hôn nhân và gia đình, mặt khác thì anh chị có hai con đều đăng ký khai sinh ghi rõ bố mẹ là chị Ch, anh B như vậy, chỉ có đăng ký kết hôn đầy đủ thì mới có thể đăng ký khai sinh cho con cái như vậy được.

Tòa án đã xác minh tại Ông Phạm Đức Miến, là chủ tịch UBND xã C vào năm 1988 khẳng định: Chị Ch và anh B có đăng ký kết hôn tại UBND xã C theo đúng quy định vào năm 1988.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của pháp luật trong thụ lý vụ án, xây dựng hồ sơ, đưa vụ án ra xét xử và các hoạt động tố tụng khác. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật trong điều hành phiên tòa; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 31 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b, c Điều 3 Nghị quyết số 35/2000//NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật Hôn nhân gia đình năm 2000; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Vũ Thị Ch và anh Phạm Phú B là vợ chồng.

- Về án phí: Chị Vũ Thị Ch phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Phú B là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân của chị Vũ Thị Ch và anh Phạm Phú B.

Mặc dù giấy theo giấy chứng minh của chị Ch thì chị sinh năm 1975. Tuy nhiên, qua kết quả xác minh tại gia đình, địa phương, UBND xã C thì đủ cơ sở để khẳng định chị sinh năm 1969 là phù hợp với thực tế. Về mặt lý lịch của chị Ch, Tòa án vẫn xác định lý lịch của chị như trong giấy chứng minh nhân dân do cơ quan có thẩm quyền lập, nhưng việc xác định năm sinh thật của chị là cơ sở để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân của chị.

Về việc kết hôn của chị Ch và anh B: Chị Ch không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn, Tòa án cũng không thu thập được hồ sơ lưu trữ phản ánh việc kết hôn tại UBND xã C, nhưng lời khai của chị Ch về việc kết hôn phù hợp với lời khai của những người làm chứng, xác nhận của Chủ tịch UBND xã C năm 1988, quan điểm của UBND xã C nên có đủ cơ sở khẳng định việc chị và anh B đăng ký kết hôn tại UBND xã C vào năm 1988 là có thật.

Xét việc đăng ký kết hôn của anh chị là tự nguyện, đảm bảo độ tuổi quy định, do UBND xã C thực hiện nên giữa chị Ch và anh B có quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị Ch:

Lời khai của chị Ch phù hợp với lời khai của người làm chứng, kết quả xác minh tại địa phương nên có đủ cơ sở để khẳng định: Trong quá trình chung sống, chị Ch và anh B nảy sinh mâu thuẫn đã nhiều năm. Nguyên nhân do anh B rượu chè và có quan hệ tình cảm với người khác, không còn tình cảm với chị Ch nên vợ

chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ tháng 4/2018, do mâu thuẫn vợ chồng, anh B đuổi chị Ch nên vợ chồng chị Ch đã sống ly thân từ đó đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng chị Ch đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ch.

[4]. Về con chung, tài sản chung:

Chị Ch và anh B có 2 con chung, đều đã trưởng thành; chị Ch, anh B đều không yêu cầu giải quyết về tài sản, nên không phải xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Ch là nguyên đơn, phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị Ch, xử cho chị Vũ Thị Ch ly hôn anh Phạm Phú B.

Về án phí: Chị Vũ Thị Ch phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang theo biên lai thu số AA/2017/0005410 ngày 22/8/2019. Chị Ch đã nộp đủ án phí ly hôn.

Chị Ch có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Văn Cường